

Số: 26/2019/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ;
Căn cứ Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2021;
Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 58/TTr-SCT ngày 10 tháng 5 năm 2019; kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp tại Văn bản số 71/BC-STP ngày 22 tháng 4 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2019.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Công Thương;
 - Website chính phủ;
 - Cục KTVB – Bộ Tư pháp;
 - TTTU, TT HỖND, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - TT HU, TT HỖND các huyện, thành phố;
 - CPVP UBND tỉnh;
 - Công báo tỉnh;
 - Báo Vĩnh Phúc, Đài PT-TH, Công TT-GTĐT tỉnh;
 - CV: NCTH;
 - Lưu: VT, CN2.
- (ĐHV: b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Duy Thành

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển
cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị
quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng: Các doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện được hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 50/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp

1. Đối với đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện và của đơn vị kinh doanh hạ tầng đề nghị UBND tỉnh, Sở Công Thương hỗ trợ kinh phí;
- Bản sao Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bản sao Quyết định phê duyệt và hồ sơ phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được duyệt;
- Bản sao Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp được duyệt;
- Bản sao Quyết định phê duyệt và hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp được duyệt;
- Bản chính Quyết định phê duyệt và bản sao hồ sơ dự án đầu tư được duyệt;
- Bản chính Quyết định phê duyệt và bản sao hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình được duyệt;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập và giao chủ đầu tư của đơn vị kinh doanh hạ tầng;
- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư xây dựng của đơn vị kinh doanh hạ tầng;
- Bản sao các chứng từ thanh toán; biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng; Báo cáo kiểm toán, quyết toán dự án, hạng mục công trình hoàn thành; Quyết định phê duyệt quyết toán dự án, hạng mục công trình hoàn thành và các văn bản khác có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 07 bộ.

2. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện, đơn vị kinh doanh hạ tầng và cơ sở sản xuất, kinh doanh đề nghị UBND tỉnh, Sở Công Thương hỗ trợ kinh phí;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị hỗ trợ kinh phí;
- Bản sao hợp đồng mua, bán đất (thuê đất) giữa đơn vị kinh doanh hạ tầng và cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Thông báo, biên lai nộp tiền mua, bán đất (thuê đất);
- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư của cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Bản sao các chứng từ thanh toán, biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình hoàn thành của cơ sở sản xuất kinh doanh và các văn bản khác có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 07 bộ.

Điều 3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí và thẩm định kinh phí hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp

1. Cách thức thực hiện: Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường dịch vụ bưu chính gửi về Sở Công Thương qua Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp cho Sở Công Thương qua Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương có thông báo bằng văn bản và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà doanh nghiệp không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền trả lại hồ sơ.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, các điều kiện hỗ trợ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và có văn bản đề xuất mức kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính (kèm theo hồ sơ);

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ.

3. Căn cứ quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương tổ chức chi trả trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng, cụ thể:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp kinh phí về tài khoản của đối tượng được hỗ trợ đã đăng ký.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ vẫn chưa nhận được tiền hỗ trợ, đề nghị có văn bản phản ánh gửi về Sở Công Thương để được xem xét, giải quyết.

4. Phí lệ phí: Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp không phải nộp phí, lệ phí.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Sở Công Thương tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

3. Hàng năm xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh và làm thủ tục thanh toán kinh phí cho các đơn vị được hỗ trợ sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tiếp nhận, thẩm định, kiểm tra và quản lý hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển cụm công nghiệp. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn tổ chức đề nghị hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện theo đúng nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định này và tham mưu, đề xuất mức hỗ trợ cụ thể, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các đơn vị được hỗ trợ.

5. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng kế hoạch và trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Thẩm định mức hỗ trợ và quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hàng năm.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Các sở, ngành liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện chính sách.

2. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo quy định này. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về tính chính xác của các tài liệu do đơn vị mình cung cấp.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Kiểm tra, xác nhận và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương về việc hỗ trợ kinh phí đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên cơ sở đề xuất của đơn vị kinh doanh hạ tầng và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn quản lý theo quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức được hưởng chính sách

1. Thực hiện đúng quy hoạch và dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng hồ sơ hỗ trợ theo quy định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu, số liệu do đơn vị mình cung cấp.

3. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định.

Điều 9. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp sản xuất kinh

doanh trong cụm công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tạo việc làm cho người lao động được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Các hành vi sách nhiễu, gây phiền hà cho các nhà đầu tư thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu gặp khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Duy Thành